

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN TRỒNG RAU ĐỐI VỚI SẢN XUẤT AN TOÀN

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ 2017 - 2018: *Thái độ của người nông dân đối với sản xuất thực phẩm an toàn*; Viện Tâm lý học chủ trì; PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy làm chủ nhiệm.

ThS. Phạm Minh Thu

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Khảo sát bằng bảng hỏi trên 230 nông dân đang trực tiếp sản xuất rau tại các địa bàn nghiên cứu cho thấy, người nông dân nhận thức được sự cần thiết/ quan trọng của nguồn đất, nguồn nước, hạt giống/cây giống, hóa chất, kiến thức và kỹ thuật chăm sóc cây trồng, đồng thời đánh giá cao về lợi ích mà quy trình sản xuất an toàn mang lại. Không có nhiều khác biệt về nhận thức của người nông dân khi xét theo các tiêu chí giới tính, tuổi, địa bàn, nhưng những hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn nhận thức tốt hơn về sự cần thiết của nơi được cấp phép bán thuốc, hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; những hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn và hiện đang sản xuất an toàn nhận thức rõ hơn về những lợi ích mà quy trình sản xuất an toàn mang lại cho sự phát triển kinh tế gia đình và môi trường sinh sống của chính họ.

Từ khóa: Nhận thức; Nông dân; Rau an toàn.

Ngày nhận bài: 20/7/2018; **Ngày duyệt đăng bài:** 25/7/2018.

1. Mở đầu

“Sự an toàn và chất lượng của thực phẩm luôn là vấn đề quan tâm của mọi người ở mọi nơi trên thế giới. Bảo đảm an toàn thực phẩm và chất lượng là điều cần thiết để đạt được những cải thiện về sức khỏe và dinh dưỡng cho con người, đây là mục đích cuối cùng của nền an ninh lương thực” (Food and Agriculture Organization of United Nations - FAO, 2007, tr. 7). Điều này được phản ánh trong tuyên bố của Hội nghị thượng đỉnh Lương thực Thế giới năm 1996 và đã khẳng định lại quyền của tất cả mọi người là được tiếp cận thực phẩm an toàn và bổ dưỡng.

Hiện nay, rau là một loại thực phẩm không thể thiếu trong bữa ăn của mỗi gia đình. Mỗi người tiêu dùng đều mong muốn và có quyền được sử dụng rau an toàn/sạch. Mặc dù vậy, trong nhiều năm gần đây, tình trạng rau không an toàn/

rau “bẩn” đang trở thành vấn đề nổi cộm trong rất nhiều phóng sự điều tra. Vì nhiều lý do, một số bộ phận nông dân đã lạm dụng nhiều loại hóa chất, sử dụng những loại hóa chất không được phép sử dụng (chất cấm) trong trồng trọt, thu hoạch sớm so với thời gian cách ly... dẫn đến rau khi được tiêu thụ ra thị trường vẫn tồn dư lượng hóa chất gây nên tình trạng ngộ độc thực phẩm và ảnh hưởng lâu dài tới sức khỏe của người tiêu dùng. Sản xuất rau không an toàn không chỉ có tác động tiêu cực tới sức khỏe và tâm lý của người tiêu dùng, mà còn khiến người nông dân giảm và đánh mất đi cơ hội tự chủ trong thị trường tiêu thụ, đặc biệt trong quá trình hội nhập hiện nay, khi mà việc sản xuất rau không chỉ cung ứng cho thị trường địa phương mà còn cung ứng ra các thị trường bên ngoài địa phương và có xu hướng xuất khẩu sang các nước khác. Là người đầu tiên trong chuỗi sản xuất đưa sản phẩm tới tay người tiêu dùng, cách nhìn nhận, hiểu biết của người nông dân đối với sản xuất rau an toàn là điều rất quan trọng, là tiền đề để họ có thể thực hiện hành vi sản xuất rau an toàn trong thực tiễn.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã tìm hiểu kiến thức của người nông dân liên quan đến vấn đề sản xuất rau an toàn. Nghiên cứu Xianxia và Yunxi (2018) trên đối tượng nông dân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) quan tâm tới hiểu biết của nông dân về các kiến thức về luật và quy định pháp luật. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, nông dân biết rất ít về luật và quy định đối với sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ thực phẩm. Cụ thể, hơn một nửa trong số họ chưa bao giờ nghe nói về Hướng dẫn kỹ thuật cho Ứng dụng phân bón hóa học một cách an toàn đối với môi trường, Quy định về kiểm soát hóa chất nông nghiệp, Luật An toàn thực phẩm và Luật về Chất lượng và An toàn nông sản. Khoảng 1/3 số nông dân đã nghe nói về các luật và quy định này, nhưng không biết về nội dung và tỷ lệ người có bất kỳ sự hiểu biết thực sự nào về các luật và quy định này là quá ít (chỉ có hơn 5%). Một số nghiên cứu khác tập trung nhiều vào sự hiểu biết của người nông dân về những kiến thức trong sản xuất rau như các thông tin, cách sử dụng, về lợi ích và tác hại của thuốc và hóa chất sử dụng trong sản xuất đối với chất lượng sản phẩm và sức khỏe con người như: Nghiên cứu của Thanuejah và Suganiya (2013) cho thấy, nông dân Batticaloa (Sri Lanka) có kiến thức tốt về thực hành sản xuất an toàn (khoảng 80% số nông dân trong mẫu nghiên cứu ý thức được ngày hết hạn của hóa chất và màu sắc của nhãn cho biết mức độ độc tính của hóa chất); song một số nghiên cứu khác lại cho thấy nông dân không có đủ kiến thức trong việc thực hành sản xuất an toàn, cụ thể: Hầu hết nông dân được hỏi tại Ai Cập “không chắc chắn” về việc liệu thuốc trừ sâu có thể gây ô nhiễm nước ngầm hay không (Ibitayo, 2006); khoảng 65% số nông dân Batticaloa (Sri Lanka) không biết gì về khoảng thời gian cách ly sau khi phun thuốc trừ sâu (Thanuejah và Suganiya, 2013). Nông dân cũng nhận thức được tác hại tiêu cực của việc lạm dụng phân bón hóa học: có khoảng 65% số nông dân tin rằng phân bón hóa học phá hủy cây trồng và gây ô nhiễm đất và

nước. Một số nông dân nói rằng, những loại phân bón hóa học làm cứng đất, có tác động tiêu cực đến hương vị của cây trồng và thậm chí làm ô nhiễm nước hồ. Mặc dù vậy, họ cho rằng, việc sử dụng phân bón từ phân chuồng thay vì phân hóa học có thể làm gia tăng nhân công và làm giảm/làm chậm sự tăng trưởng của cây trồng, của mùa màng (Xianxia và Yunxi, 2018). Điều này cho thấy, không có sự nhất quán giữa nhận thức và hành vi thực tiễn khi nông dân phải đứng trước bài toán về lợi nhuận kinh tế.

Sự phản hồi của thị trường đối với sản phẩm rau an toàn (cụ thể là những mong đợi của người tiêu dùng) cũng là mối quan tâm của các nhà nghiên cứu. Vấn đề thực phẩm đang có sự chuyển biến khá lớn tại các nước đang phát triển, trong đó chất lượng thực phẩm và sự an toàn thực phẩm đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu của Mergenthaler, Weinberger và Qaim (2009) trong năm 2005, trên đối tượng người tiêu dùng ở cả nội thành và ngoại thành của hai thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đã tìm hiểu sự sẵn sàng của họ đối với việc trả chi phí cho sản phẩm rau an toàn/sạch/không tồn dư hóa chất. Kết quả cho thấy, trung bình người tiêu dùng Việt Nam sẵn sàng trả chi phí cao hơn 60% giá thành cho sản phẩm rau không tồn dư lượng hóa chất. Nghiên cứu này cũng nhận thấy sự ảnh hưởng của một số yếu tố đến sự sẵn sàng trả chi phí của người tiêu dùng cho sản phẩm rau không tồn dư hóa chất. Hơn 90% số người được hỏi đã nghe hoặc đã thấy các báo cáo từ các phương tiện truyền thông (tivi, báo điện tử) về tác động tiêu cực, bao gồm cả tác động gây chết người của việc sử dụng thực phẩm không an toàn đến sức khỏe con người. Như vậy, truyền thông đã có những tác động tích cực tới sự sẵn sàng trả chi phí của người tiêu dùng cho những sản phẩm không tồn dư lượng thuốc trừ sâu. Tuy nhiên, phương tiện truyền thông cũng làm suy yếu đi niềm tin của người tiêu dùng về thực phẩm an toàn đang bán trên thị trường và làm giảm sự sẵn sàng trả chi phí. Những người tiêu dùng cư trú ở đô thị sẵn sàng trả chi phí cao hơn và những người có ít hiểu biết về thuốc trừ sâu thì ít sẵn sàng trả chi phí hơn. Thêm nữa, xét về mặt thuận tiện của sản phẩm rau (loại rau đã được chế biến sẵn) thì người tiêu dùng sẵn sàng trả chi phí cao hơn 19% giá thành cho loại sản phẩm này. Có thể thấy, nông sản an toàn có giá thành cao hơn thì người tiêu dùng vẫn lựa chọn. Rõ ràng, nhận thức về sản xuất an toàn của người nông dân và sự mong đợi của người tiêu dùng có mối quan hệ với nhau. Khi người nông dân không đủ kiến thức, không hiểu biết rõ về sản xuất an toàn, họ khó có thể có những hành vi thực hành an toàn, điều đó dẫn đến việc họ gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của thị trường. Về lâu dài, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp của các hộ nông dân.

Nghiên cứu trên nông dân nước ta, Lê Thị Thanh Hương (2017) và cộng sự đã cho thấy, trước sự kiện nước ta xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với hàng

hóa các nước ASEAN, 16,7% số nông dân được hỏi lo ngại về chất lượng nông sản của nước ta thấp, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vì vậy khó cạnh tranh. Trong dự tính ứng phó với sự kiện nêu trên thì 75% số người cho rằng cần nâng cao chất lượng sản phẩm. Dù chưa nhiều người lo ngại khó cạnh tranh trong tương lai do chất lượng nông sản của nước ta thấp, không an toàn, nhưng rất nhiều nông dân nước ta hiện nay đã hiểu rõ xu hướng chuyển dịch trong hành vi sử dụng nông sản của người tiêu dùng - 98,3% số nông dân được hỏi hiểu rằng “hiện nay, nông nghiệp sạch đang được người tiêu dùng ủng hộ, vì vậy cần phát triển theo hướng này”. Các kết quả của nghiên cứu này còn cho thấy, để hội nhập thành công với thị trường các nước ASEAN, số hộ làm ăn có kết quả tốt hơn dự tính sẽ hướng đến việc nâng cao chất lượng và hạ giá thành nông sản mà họ làm ra nhiều hơn so với các hộ sản xuất kinh doanh kém hiệu quả hơn. Như vậy, nhiều nông dân nước ta đã nhận rõ được tầm quan trọng của việc sản xuất nông sản an toàn.

Để tiếp tục tìm hiểu nhận thức của người nông dân về sản xuất rau an toàn, trong nghiên cứu này, chúng tôi quan tâm đến hai nội dung: 1/ Nhận thức về sự cần thiết/quan trọng của quy trình sản xuất rau an toàn; 2/ Nhận thức về lợi ích của quy trình thực hành sản xuất rau an toàn.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

Mẫu khách thể nghiên cứu: 230 nông dân trực tiếp tham gia sản xuất rau tại 4 huyện thuộc 2 tỉnh Hải Dương và Lâm Đồng với giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và mức thu nhập từ sản xuất nông nghiệp khác nhau. Khảo sát được thực hiện vào tháng 8 và tháng 10/2017.

Công cụ nghiên cứu: Nhằm tìm hiểu nhận thức của người nông dân trồng rau với sản xuất an toàn, nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Các câu hỏi xoay quanh các vấn đề về nhận thức của người nông dân về sự cần thiết/quan trọng của quy trình sản xuất an toàn và nhận thức về lợi ích của họ về quy trình này.

Các câu hỏi tìm hiểu nhận thức về sự cần thiết/tầm quan trọng của quy trình sản xuất an toàn được thiết kế với 3 phương án trả lời tương ứng với điểm số: không cần thiết/không quan trọng = 1 điểm, vừa cần thiết/vừa quan trọng = 2 điểm, rất cần thiết/rất quan trọng = 3 điểm. Điểm càng cao thì người trả lời càng nhận thức và đánh giá cao sự cần thiết/quan trọng của quy trình.

Thang đo Nhận thức của người nông dân về lợi ích của quy trình sản xuất nông sản an toàn có 6 mệnh đề. Mỗi mệnh đề có 3 phương án trả lời tương ứng với những điểm số sau: không đúng = 1 điểm, vừa đúng vừa không đúng = 2 điểm, rất đúng = 3 điểm. Độ tin cậy Alpha của Cronbach của thang đo là 0,644. Điểm nhận thức chung được tính bằng điểm trung bình cộng của

các mệnh đề thành phần. Như vậy, theo thang điểm này thì điểm trung bình càng cao thì nhận thức về lợi ích của quy trình sản xuất an toàn càng tốt.

Phép phân tích dữ liệu

Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm thống kê toán học SPSS phiên bản 22.0.

Phân tích mô tả: Để tìm hiểu nhận thức của người nông dân trong sản xuất an toàn, nghiên cứu này sử dụng phép tính tỷ lệ % và giá trị điểm trung bình, độ lệch chuẩn của từng mệnh đề và toàn thang đo.

Phân tích so sánh: Để tìm hiểu sự khác biệt của các nội dung trên theo các biến số, các phép phân tích Crosstab (với tỷ lệ %), T-test trên biến có 2 phương án và Anova trên biến có 3 phương án trở lên (với ĐTB) được sử dụng.

3. Kết quả nghiên cứu

Sản xuất nông nghiệp đối với người nông dân không chỉ tạo ra sản phẩm cung cấp cho sinh hoạt gia đình, mà trong nhiều năm gần đây, với nhiều hộ nông dân thì sản xuất rau để bán đã trở nên phổ biến. 51,2% tổng số hộ trồng rau với mục đích bán là chính và 28,6% số hộ sản xuất vừa để ăn, vừa để bán đã cho thấy rõ điều này. Hầu hết các hộ đều sản xuất rau với quy mô hộ gia đình (chiếm 98,6% tổng số hộ).

Để được công nhận là sản xuất rau đảm bảo an toàn, hoạt động sản xuất của các hộ nông dân phải đảm bảo thực hiện theo những quy định và tiêu chuẩn trong quy trình sản xuất tốt (VietGAP) cho từng loại sản phẩm cụ thể và được thể hiện bằng giấy chứng nhận sản phẩm được sản xuất phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận sản phẩm an toàn). Trong mẫu khảo sát, chỉ có 9,9% số hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn, 10,8% số hộ tự đánh giá là hiện đang tiến hành sản xuất theo quy trình sản xuất an toàn, nhưng không có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn và 79,3% số hộ hiện đang sản xuất rau dựa theo kinh nghiệm. Tỷ lệ giữa các nhóm hộ này cho thấy, đa phần các hộ nông dân vẫn sản xuất theo kinh nghiệm là chính. Mặc dù chưa có số liệu để chứng minh những hộ tự nhận đang sản xuất an toàn nhưng chưa có giấy chứng nhận có hoàn toàn thực hiện theo tất cả các nội dung và đảm bảo được các tiêu chuẩn đánh giá của quy trình này hay không, nhưng điều này cho thấy, họ đã có ý thức về sự an toàn hơn trong sản xuất rau.

Các hộ nông dân sản xuất rau ở hai tỉnh khảo sát có một số đặc điểm khác biệt. Diện tích trồng rau bình quân của các hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng là 0,75ha (diện tích lớn nhất là 10ha), nhiều gấp 4,5 lần so với diện tích bình quân của các hộ nông dân tỉnh Hải Dương là 0,17ha (diện tích lớn nhất mới chỉ đạt 0,72ha) ($t(213) = -5,392$; $p = 0,000$). Nông dân trồng rau tại Lâm Đồng có xu

hướng sản xuất để bán là chính (tỷ lệ số hộ sản xuất rau để bán tại Lâm Đồng gấp 2 lần so với tỷ lệ này tại Hải Dương, $p = 0,000$), trong khi sản xuất rau ở Hải Dương có xu hướng vừa để ăn vừa để bán (tỷ lệ này ở Hải Dương gấp 2 lần so với tỷ lệ này ở Lâm Đồng; $p = 0,000$). Tỷ lệ nông dân Hải Dương tự đánh giá sản xuất rau của hộ gia đình đang được thực hiện theo quy trình chuẩn nhiều gấp 2 lần so với tỷ lệ này ở Lâm Đồng ($p = 0,076$). Kết quả này có được một phần là do nông dân Hải Dương nhận được sự hỗ trợ của chính quyền trong việc tổ chức các buổi tập huấn nhiều hơn so với sự hỗ trợ này dành cho nông dân tại Lâm Đồng ($p = 0,001$).

Là người sản xuất trực tiếp trong chuỗi cung ứng sản phẩm, để có hành vi sản xuất an toàn thì trước hết, người nông dân phải có nhận thức về sản xuất an toàn. Trong nghiên cứu này, nhận thức về sản xuất an toàn của người nông dân được tìm hiểu thông qua nhận thức của họ về sự cần thiết/tầm quan trọng và lợi ích của quy trình sản xuất an toàn.

3.1. Nhận thức của người nông dân trồng rau về sự cần thiết/quan trọng của quy trình sản xuất an toàn

Ngày 28/01/2008, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký quyết định ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi an toàn tại Việt Nam (VietGAP) (số 379/QĐ-BNN-KHCN) gồm 93 nội dung chi tiết với mục đích vừa là văn bản hướng dẫn việc thực hành sản xuất an toàn, vừa nhằm ngăn chặn, hạn chế rủi ro từ các mối nguy cơ ô nhiễm, ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm rau, quả, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội của người lao động trong sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch. Ban hành kèm theo quyết định này là bảng kiểm tra, đánh giá gồm 65 tiêu chí. Các nội dung và các tiêu chí đánh giá không chỉ đề cập tới các quy định về tư liệu sản xuất như nguồn đất, nguồn nước, mà còn nói đến hóa chất, phân bón, các quy định dành cho người lao động và công tác ghi chép... Để tìm hiểu nhận thức của người nông dân trồng rau về quy trình sản xuất an toàn cần tìm hiểu hiểu biết của họ về các nội dung nêu trên. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian và khung của bảng hỏi, nghiên cứu này chỉ tập trung tìm hiểu nhận thức của người sản xuất - người nông dân về những nội dung chính, trực tiếp liên quan đến hoạt động trồng trọt như nguồn đất, nguồn nước, về cây giống/hạt giống, về phân bón, hóa chất, về kiến thức và kỹ thuật chăm sóc cây trồng, sử dụng trang thiết bị...

Nhìn chung, hầu hết nông dân trong diện được hỏi đều nhận thấy sự cần thiết/tầm quan trọng của những nội dung liên quan đến quy trình sản xuất an toàn trong trồng trọt (ở 8/9 nội dung đều có trên 90% số người cho rằng các nội dung này là rất cần thiết/rất quan trọng với ĐTB > 2,8/3). Sự nhận thức của

người nông dân về vấn đề này tương đối thống nhất (8/9 nội dung, ĐLC < 0,47) và được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1: Nhận thức của người nông dân trồng rau về sự cần thiết/quan trọng của quy trình sản xuất an toàn

Nội dung của quy trình sản xuất rau an toàn	Mức độ cần thiết/ quan trọng (%)			ĐTB	ĐLC
	1	2	3		
Đánh giá mức độ và nguy cơ ô nhiễm của đất sản xuất nông nghiệp	4,9	4,4	90,7	2,86	0,470
Đánh giá nguy cơ ô nhiễm của nguồn nước tưới trong sản xuất nông nghiệp	1,8	4,4	93,8	2,92	0,329
Nắm rõ nguồn gốc hạt giống/cây trồng mà gia đình sử dụng	1,4	2,7	95,9	2,95	0,280
Mua thuốc ở cửa hàng được cấp phép kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	5,3	2,6	92,1	2,87	0,470
Những kiến thức và kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	3,6	4,0	92,4	2,89	0,414
Đảm bảo thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật	1,7	2,7	95,6	2,94	0,305
Sử dụng chất điều hòa sinh trưởng tổng hợp cho cây trồng	59,1	21,3	19,6	1,60	0,796
Những kiến thức và kỹ thuật chăm sóc cây trồng	0,9	1,8	97,3	2,96	0,228
Những kiến thức và kỹ thuật sử dụng các trang thiết bị	2,2	4,5	93,3	2,91	0,356

Ghi chú: 1: Không cần thiết/không quan trọng (1 điểm); 2: Vừa cần thiết vừa không cần thiết/nửa quan trọng nửa không quan trọng (2 điểm); 3: Rất cần thiết/rất quan trọng (3 điểm).

Về nguồn đất: Số liệu khảo sát cho thấy, người dân đánh giá rất cao về sự cần thiết của việc khảo sát mức độ ô nhiễm của nguồn đất trồng (ĐTB = 2,86/3; ĐLC = 0,47). Một số người dân biết rằng, đất trồng mà bị ô nhiễm bởi các hóa chất thì chất lượng và sự sinh trưởng của rau cũng bị ảnh hưởng, như bị biến dạng, biến đổi gen, khả năng chống đỡ với dịch bệnh cũng kém đi, sản phẩm cũng bị nhiễm các chất ô nhiễm...

Về nguồn nước tưới: Gần như 100% số người được hỏi (chiếm 98,2%) cho rằng họ biết/nhận diện được sự ô nhiễm của nguồn nước tưới. Thông thường để đánh giá mức độ ô nhiễm của nước, cần phải có kết quả kiểm

nghiệm khoa học các chỉ số trong nước được lấy tại vùng sản xuất. Theo ý kiến của người nông dân, với kinh nghiệm và bằng sự quan sát hiện trạng tại địa phương, họ có thể nhận diện được một số dấu hiệu chứng tỏ sự ô nhiễm của nguồn nước tưới như dựa vào màu, mùi và bề mặt của nước. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng, việc nhận biết bằng mắt thường vẫn không thể cho thấy hết được mức độ ô nhiễm của nước tưới, vì vậy, hầu hết những người được hỏi đều cho rằng, việc đánh giá nguy cơ ô nhiễm của nguồn nước tưới rất quan trọng đối với sản xuất ($\bar{D}TB = 2,92/3$; $\bar{D}LC = 0,329$).

Về nguồn gốc hạt giống/cây giống: Có 95,9% số người cho rằng việc nắm rõ nguồn gốc hạt giống/cây trồng là rất quan trọng trong sản xuất rau ($\bar{D}TB = 2,95$; $\bar{D}LC = 0,280$). Mặc dù vậy, chỉ có gần 1/2 số người biết rõ về nguồn gốc hạt giống/cây trồng khi đi mua hoặc được cấp, trong khi đó, số người không biết một chút nào chiếm một tỷ lệ không nhỏ (18,3%). Sự thiếu kiến thức về nguồn gốc hạt giống/cây giống rất dễ dẫn đến sự thiếu quan tâm, thậm chí là cầu thả trong việc lựa chọn giống, trong khi hiện nay, hiệu quả sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và thu nhập từ sản xuất phụ thuộc khá nhiều vào giống cây trồng.

Về phân bón: Có hai loại phân bón thường được sử dụng để sản xuất rau là phân hữu cơ và phân vô cơ. Để xác định được loại phân bón nào tốt cho chất lượng nông sản thì cần phải hiểu được thành phần và tác dụng của nó. Phân hữu cơ thường có tác dụng chậm đối với sự sinh trưởng của cây trồng nhưng lại có tác dụng cải tạo đất, cân bằng hệ vi sinh trong đất, giúp cây phát triển cân đối, trong khi đó, phân vô cơ giúp cây có thể hấp thụ được ngay, nhưng nếu chỉ bón loại phân này thì sẽ làm tiêu hủy hệ vi sinh trong đất. Vì vậy, trong sản xuất rau an toàn, các khuyến cáo khuyến khích người sản xuất sử dụng phân hữu cơ và hạn chế sử dụng phân vô cơ hoặc sử dụng kết hợp 2 loại một cách cân đối. Nghiên cứu của Ouda, Mahadeen (2008) đã nhận thấy, cả hai loại này đều tốt và việc kết hợp hai loại phân bón này đều tốt cho cây trồng cả về mặt chất lượng và số lượng, nhưng tác giả này cũng nhận thấy, việc sản xuất rau (bông cải xanh) có bón phân hữu cơ tốt cho sự sinh trưởng của cây trồng hơn. Với những người nông dân trong diện khảo sát thì cả hai loại phân bón này đều có những tác dụng tốt cho nông sản (61,7% số người đồng ý), nhưng họ vẫn đề cao hơn vai trò của phân bón hữu cơ (chiếm 33,9%, trong khi tỷ lệ số người chọn phân bón vô cơ chỉ chiếm 4,4%). Một số nông dân nhận xét: phân hữu cơ cho cây chậm phát triển, nhưng rau ăn ngon, ngọt hơn, lá cứng và dày hơn. Một nghiên cứu của Xianxia và Yunxi (2018) trên đối tượng nông dân vừa là người sản xuất vừa là người tiêu dùng cũng cho thấy người nông dân nhận thức rõ về rủi ro đối với chất lượng sản phẩm (ảnh hưởng tiêu cực đến hương vị của sản phẩm) khi sử dụng phân bón vô cơ.

Về hóa chất (bao gồm thuốc bảo vệ thực vật): Hiểu biết về thuốc và cách sử dụng thuốc rất quan trọng trong hoạt động sản xuất của bà con nông dân. Đa số người nông dân cho rằng thuốc bảo vệ thực vật sinh học tốt cho cây trồng và chất lượng của sản phẩm (86,9%). 92,4% số nông dân cho rằng, kiến thức và kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật là rất cần thiết đối với người trực tiếp trồng trọt; đặc biệt 95,6% số người cho rằng, việc đảm bảo thời gian cách ly khi sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo quy định là rất quan trọng trong sản xuất. Qua quá trình trao đổi với người nông dân, chúng tôi nhận thấy, biểu hiện của sự thiếu hiểu biết về cách sử dụng thuốc thường thấy như pha nhiều loại thuốc cùng thành phần giống nhau, pha không đúng tỷ lệ, dùng không đúng loại thuốc với bệnh của rau, dùng thuốc không đúng thời điểm cho rau... Điều này dẫn đến tình trạng không trị được bệnh, có thể sinh ra những bệnh khác trên rau hoặc làm hỏng rau. Vì vậy, việc có những hiểu biết, kiến thức về thuốc và cách sử dụng thuốc là rất cần thiết. Bên cạnh đó, một trong những tiêu chí đánh giá thực hiện quy trình an toàn tốt trong sản xuất rau là cần thiết phải mua hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật ở những cửa hàng được cấp phép kinh doanh (theo Bảng kiểm tra đánh giá - Ban hành kèm quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/1/2008). Vì vậy, 92,1% số người cho rằng, khi mua thuốc bảo vệ thực vật ở các cửa hàng được cấp phép kinh doanh là rất cần thiết đã cho thấy nhận thức của bà con về vấn đề này rất tốt.

Chất điều hòa sinh trưởng tổng hợp cho cây trồng được ví như chất hoóc-môn sinh trưởng, được điều chế nhằm điều khiển các quá trình sinh trưởng của cây trồng qua các giai đoạn phát triển của cây nhằm giúp cây phát triển một cách cân đối theo những đặc tính, quy luật của cây và chủ định của người sử dụng. Các chất điều hòa sinh trưởng đã được sử dụng và ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp và việc hiểu biết các chất này đối với từng giai đoạn phát triển của cây và cách thức sử dụng (đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng cách, đúng thời điểm...) là cần thiết bởi theo quy định trong sản xuất nông nghiệp, người sản xuất chỉ được phép sử dụng một số loại thuốc phù hợp và có ý kiến của người có chuyên môn về lĩnh vực bảo vệ thực vật. Mặc dù vậy, chỉ có 19,5% số người được hỏi cho rằng, việc sử dụng chất kích thích và điều hòa sinh trưởng cho cây là rất cần thiết và có tới 58,8% số người cho là không cần thiết ($\bar{D}TB = 1,61/3$; $\bar{D}LC = 0,796$). Giải thích điều này, một số người cho rằng: *“Chất kích thích làm cho cây lớn quá nhanh. Tôi nghe nói khi chuẩn bị bán là người ta phun thuốc kích thích. Mới chiều phun mà sáng ra cây đã dài đến tận gấp đôi”* (nữ, 45 tuổi, nông dân, Hải Dương); *“Nhìn người ta tiêm vào cây mà tôi phát hoảng. Nhoảng cái quả đã chín rồi”* (nữ, 53 tuổi, nông dân, Lâm Đồng). Sự không hiểu rõ những khác biệt giữa việc có sử dụng chất điều hòa sinh trưởng với việc lạm dụng chất này để dẫn đến nhận định rằng chất kích thích và điều hòa sinh trưởng là một chất không được phép và

không cần sử dụng trong trồng trọt. Trên thực tế, trong hoạt động sản xuất với quy mô lớn, nếu sử dụng loại chất này một cách khoa học và đúng quy định để điều chỉnh, kích thích sự phát triển của cây trồng cho đúng thời điểm thì sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cho các hộ nông dân.

Về việc sử dụng trang thiết bị: Đa số người được hỏi nhận thấy việc hiểu biết những kiến thức và kỹ thuật sử dụng trang thiết bị là rất cần thiết ($\bar{D}TB = 2,91$; $\bar{D}LC = 0,356$). Nhiều ý kiến cho rằng, cần phải biết cách sử dụng, bởi việc không biết cách có thể ảnh hưởng tới chất lượng nông sản như không xúc rửa sạch hết thuốc trong bình xịt thì lượng thuốc đó có thể lẫn với lượng thuốc của những lần sử dụng sau, dẫn đến biến đổi thành phần và chất lượng thuốc, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của rau.

Như vậy, rõ ràng nhận thức của người nông dân về tầm quan trọng và sự cần thiết sản xuất an toàn tương đối tốt. Tầm quan trọng và sự cần thiết của những kiến thức chủ yếu trong việc sản xuất như nguồn đất, nguồn nước, phân bón, hóa chất (bao gồm thuốc bảo vệ thực vật) và cách sử dụng hóa chất, cách chăm sóc cây trồng... đều được họ nhận thức tốt. Một số kiến thức liên quan đến chất lượng nông sản như loại phân bón nào tốt, thuốc bảo vệ thực vật nào tốt hơn... đều được đa số nông dân hiểu rõ.

Khi so sánh nhận thức của người nông dân về sự cần thiết/quan trọng của sản xuất an toàn theo các nhóm, kết quả cho thấy, gần như không có sự khác biệt giữa nam và nữ, giữa các nhóm tuổi, nhóm trình độ học vấn và địa bàn sinh sống. Thực tế hiện nay, có rất nhiều kênh thông tin như các phương tiện nghe nhìn, các kênh truyền thông các cấp... cung cấp thông tin để nâng cao nhận thức cho người nông dân về sản xuất rau an toàn. Mặc dù vậy, khi tìm hiểu nhận thức của họ về mức độ quan trọng của việc đảm bảo thời gian cách ly khi sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thì thấy 100% nữ nông dân thống nhất trong hiểu biết về điều này và sự hiểu biết này ở mức độ cao hơn so với nam nông dân ($\bar{D}TB_{nữ} = 3,00 > \bar{D}TB_{nam} = 2,89$; $p = 0,003$; $t(256) = -2,065$). Một số ý kiến của nữ có thể giải thích điều này. "*Chúng tôi là những người sản xuất, nhưng cũng là người trực tiếp đi chợ, mua thực phẩm sinh hoạt cho gia đình, nên chúng tôi cần trọng hơn. Đương nhiên, trồng rau bây giờ phải phun thuốc trừ sâu, phải bón phân thì mới cho năng suất tốt, nhưng rõ ràng phun xong thì cũng phải đủ thời gian cách ly của thuốc thì mới hái đem đi bán được*" (nữ, 35 tuổi, Hải Dương) hay "*Tôi nghĩ là thời gian cách ly của thuốc sau khi phun rất quan trọng, bởi nếu không cả người ăn lẫn người bán đều bị ảnh hưởng. Người bán thì phải thu hoạch, cũng bị dính chất trong thuốc, còn người ăn thì rõ ràng là bị rồi vì thuốc ngấm hết vào rau, chưa kịp phân giải rồi còn gì*" (nữ, 56 tuổi, Lâm Đồng). Có vẻ như trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nữ giới vẫn thận trọng và có hiểu biết về tác hại nhiều hơn so với nam giới.

Không thấy có sự khác biệt về nhận thức về sự cần thiết/quan trọng của các nội dung của quy trình sản xuất an toàn giữa nhóm hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn và nhóm hộ tự nhận sản xuất an toàn, nhưng có sự khác biệt trong nhận thức giữa nhóm tự nhận sản xuất an toàn và hộ sản xuất bình thường liên quan nhiều đến các nội dung về hóa chất. Cụ thể: Nhóm hộ tự nhận sản xuất an toàn nhận thấy sự cần thiết của kiến thức, kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhiều hơn so với hộ sản xuất bình thường (ĐTB nhóm tự nhận = 3,00 > ĐTB nhóm sản xuất bình thường = 2,87; $p = 0,001$) và nhận thấy tầm quan trọng của khoảng thời gian cách ly sau khi phun thuốc bảo vệ thực vật nhiều hơn so với hộ sản xuất bình thường (ĐTB lần lượt là 3,00 và 2,93; $p = 0,013$). Trong khi đó, nhóm hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn đánh giá cao về sự cần thiết của địa chỉ mua thuốc bảo vệ thực vật và cao hơn so với nhóm hộ sản xuất bình thường (ĐTB nhóm có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn = 3,00 > ĐTB nhóm sản xuất bình thường = 2,85; $p = 0,000$). Sự khác biệt về nhận thức giữa các nhóm phải chăng có liên quan đến đặc điểm của các nhóm hộ? Nhóm hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn và nhóm hộ tự nhận sản xuất an toàn (đều có chung một hướng đi là hướng tới sản xuất an toàn) có sự tương đồng về nhận thức, trong khi nhóm hộ sản xuất bình thường thì có sự khác biệt về nhận thức so với các nhóm khác.

3.2. Nhận thức của người nông dân trồng rau về lợi ích của sản xuất an toàn và quy trình sản xuất an toàn

Nhìn chung, hầu hết nông dân trong diện khảo sát đều thống nhất trong nhìn nhận khi cho rằng, quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn đem đến lợi ích cho sự phát triển nông nghiệp nói chung và của gia đình họ nói riêng (ĐTB = 2,95/3; ĐLC = 0,195). Điều này gián tiếp cho thấy, quy trình sản xuất an toàn có những giá trị tích cực và đem lại hiệu quả không chỉ về các mặt như bảo vệ sức khỏe người lao động, giữ môi trường đất, nước an toàn một cách bền vững, mà còn có những giá trị lâu dài về mặt kinh tế, là hướng đi bền vững cho hoạt động sản xuất của gia đình.

Mặc dù người nông dân nhìn nhận về các lợi ích cụ thể ở những mức độ khác nhau: trội hơn cả là nhận thấy lợi ích của quy trình sản xuất giúp bảo vệ môi trường sống (ĐTB = 2,98; ĐLC = 0,202), nhưng nhìn chung không có sự chênh lệch nhiều lắm. Thêm nữa, khi so sánh nhận thức về nội dung này theo các biến số như giới tính, tuổi, địa bàn khảo sát... thì đều không nhận thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Việc so sánh giữa các nhóm hộ cũng cho thấy, hoàn toàn không có sự khác biệt nào giữa nhóm hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn, nhóm hộ tự nhận sản xuất an toàn và nhóm hộ sản xuất bình thường khi nhận thức về lợi ích mà quy trình sản xuất an toàn mang lại ($p > 0,05$).

Bảng 2: Nhận thức của người nông dân về lợi ích của sản xuất an toàn và quy trình sản xuất an toàn

Các nhận định	Mức độ đúng (%)			ĐTB	ĐLC
	1	2	3		
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giúp bảo vệ sức khỏe của chính người nông dân	0,5	3,6	95,9	2,95	0,230
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giúp tạo ra sản phẩm an toàn cho người sử dụng	0,9	3,2	95,9	2,95	0,258
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giúp bảo vệ môi trường sống của con người	0,9	0,5	98,6	2,98	0,202
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giữ nguồn đất, nước không bị ô nhiễm để tái sử dụng	0,9	3,7	95,4	2,95	0,265
Sản xuất nông nghiệp an toàn mang lại lợi nhuận kinh tế bền vững, lâu dài cho người nông dân	0,9	4,2	94,9	2,94	0,274
Sản xuất nông nghiệp an toàn là hướng đi mang ý nghĩa sống còn đối với nông dân trong giai đoạn hiện nay	1,4	3,6	95,0	2,94	0,296
Điểm trung bình chung				2,95	0,195

Ghi chú: 1: Không đúng (1 điểm); 2: Nửa đúng nửa không đúng (2 điểm); 3: Rất đúng (3 điểm).

Số liệu cũng cho thấy, mặc dù một số hộ đã được cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn, nhưng hiện nay, họ lại đang không tham gia sản xuất an toàn, trong khi đó, một số hộ hiện không có giấy chứng nhận, nhưng vẫn đang thực hiện sản xuất theo quy trình sản xuất an toàn. Dựa theo hiện trạng này, có thể phân các hộ thành ba nhóm hộ sản xuất: 1/ Hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn và hiện đang tiếp tục sản xuất theo hướng an toàn: chiếm 8,1% - gọi tắt là hộ sản xuất an toàn; 2/ Hộ không có giấy chứng nhận, nhưng đang tiến hành sản xuất theo quy trình sản xuất an toàn: chiếm 10,8% - gọi tắt là hộ tự nhận sản xuất an toàn; 3/ Hộ sản xuất theo kinh nghiệm bản thân: chiếm 81,1% - gọi tắt là hộ sản xuất bình thường. Khi xem xét nhận thức về lợi ích của quy trình sản xuất an toàn giữa các nhóm hộ này, kết quả cho thấy một số điểm đáng chú ý sau:

Hầu như tất cả các hộ sản xuất an toàn đều đánh giá cao và gần như tuyệt đối về các lợi ích mà quy trình sản xuất an toàn mang lại (ĐTB của 5/6 nhận định ở nhóm hộ này là 3,00). Đặc biệt, những hộ này nhận thức rõ về mục đích cuối cùng của việc sản xuất an toàn, đó là có thể mang lại lợi ích cho cả hai phía: người dùng được sử dụng sản phẩm an toàn, còn người sản xuất có

thể có hiệu quả kinh tế lâu dài. Một số ý kiến ở cả phía người nông dân và cán bộ cũng cho thấy rằng quy trình sản xuất an toàn có tác động hai chiều: người sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn với giá thành có thể cao hơn sản phẩm thông thường, nhưng vẫn được nhiều người tiêu dùng lựa chọn và khi càng nhiều người lựa chọn sử dụng, thị trường càng đón nhận thì người nông dân càng có cơ hội để sản xuất nhiều hơn, từ đó hoạt động sản xuất của họ ngày càng ổn định, đem lại lợi ích kinh tế lâu dài cho gia đình.

Bảng 3: Nhận thức của nông dân về lợi ích của sản xuất an toàn và quy trình sản xuất an toàn (so sánh theo biến số hộ sản xuất)

Các nhận định	ĐTB các nhóm hộ			So sánh
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giúp bảo vệ sức khỏe của chính người nông dân	3,00	3,00	2,94	ĐTB nhóm 1 > ĐTB nhóm 3; p = 0,011 ĐTB nhóm 2 > ĐTB nhóm 3; p = 0,011
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giúp tạo ra sản phẩm an toàn cho người sử dụng	3,00	2,87	2,95	
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giúp bảo vệ môi trường sống của con người	3,00	3,00	2,97	
Quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn giữ nguồn đất, nước không bị ô nhiễm để tái sử dụng	3,00	2,87	2,95	ĐTB nhóm 1 > ĐTB nhóm 3; p = 0,036
Sản xuất nông nghiệp an toàn mang lại lợi nhuận kinh tế bền vững, lâu dài cho người nông dân	3,00	2,96	2,93	ĐTB nhóm 1 > ĐTB nhóm 3; p = 0,007
Sản xuất nông nghiệp an toàn là hướng đi mang ý nghĩa sống còn đối với nông dân trong giai đoạn hiện nay	2,94	2,91	2,94	

Ghi chú: - Nhóm 1: Nhóm hộ sản xuất an toàn (hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn và hiện đang sản xuất an toàn); Nhóm 2: Nhóm hộ tự nhận sản xuất an toàn, nhưng không có giấy chứng nhận; Nhóm 3: Nhóm hộ sản xuất bình thường/theo kinh nghiệm bản thân.

- Điểm số của các item: Không đúng (1 điểm); Vừa đúng vừa không đúng (2 điểm); Rất đúng (3 điểm).

Không nhận thấy sự khác biệt về nhận thức này giữa nhóm hộ sản xuất an toàn và nhóm hộ tự nhận là hộ sản xuất an toàn ($p > 0,05$). Có một số sự khác biệt về nhận thức được nhận thấy ở nhóm hộ sản xuất an toàn và nhóm hộ sản xuất bình thường ($p < 0,05$). Mặc dù cũng đánh giá và nhận thức tốt về các lợi ích của quy trình sản xuất an toàn mang lại, nhưng nhóm hộ sản xuất bình thường đánh giá về lợi ích liên quan đến sự phát triển sản xuất lâu dài và bền vững ít hơn so với nhóm hộ sản xuất an toàn, cụ thể họ nhận thấy lợi ích mà quy trình này mang lại cho môi trường sản xuất (nguồn đất, nguồn nước để tái sử dụng), về lợi nhuận kinh tế bền vững cho gia đình, về sức khỏe của bản thân ít hơn so với hộ sản xuất an toàn.

Tóm lại, người nông dân trồng rau có nhận thức tốt về sự cần thiết/tầm quan trọng của các nội dung như nguồn đất, nguồn nước, phân bón, hóa chất... trong quy trình sản xuất an toàn, đồng thời họ cũng nhận thấy những lợi ích thiết thực của quy trình này đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp và lợi ích kinh tế của gia đình.

Rất ít khác biệt về nhận thức của người nông dân theo các tiêu chí giới tính, tuổi, địa bàn; mặc dù vậy, có một số sự khác biệt liên quan đến đặc điểm hộ (hộ sản xuất an toàn, hộ tự nhận sản xuất an toàn và hộ sản xuất bình thường). Những hộ có giấy chứng nhận sản phẩm an toàn đánh giá cao hơn sự cần thiết về tính hợp pháp của những địa chỉ được cấp phép mà họ cần mua thuốc, hóa chất; những hộ sản xuất an toàn nhận thấy rõ hơn lợi ích của quy trình sản xuất an toàn tới sự phát triển sản xuất lâu dài của người nông dân (đem lại lợi nhuận về kinh tế, về môi trường sống cho con người và cho sản xuất...). Mặc dù có sự chênh lệch về số lượng người trong các nhóm hộ, nhưng những kết quả này cũng có tính chất tham khảo và là gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2008). *Quyết định ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi an toàn tại Việt Nam (VietGAP)*. Số 379/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/01/2008.
2. Food and Agriculture Organization of United Nations [FAO] (2007). *Strengthening national food control systems: A quick guide to assess capacity building needs*. Rome: Food and Agriculture Organization of The United Nations. <http://www.fao.org/3/a-a1142e.pdf>. Cập nhật ngày 23/3/2018.
3. Ibitayo O.O. (2006). *Egyptian Farmers' Attitudes and Behaviors Regarding Agricultural Pesticides: Implications for Pesticide Risk Communication*. Risk Analysis. 26 (4): 989 - 995.
4. Lê Thị Thanh Hương (Chủ biên, 2017). *Chân dung tâm lý hộ gia đình nông dân hiện nay (Nghiên cứu so sánh các hộ có kết quả sản xuất kinh doanh khác nhau)*. NXB Khoa học xã hội.

5. Mergenthaler M., Weinberger K. & Qaim M. (2009). *The role of consumers' perceptions in the valuation of food safety and convenience attributes of vegetables in Vietnam* (Contributed Paper prepared for presentation at the International Association of Agricultural Economists Conference, Beijing, China, August 16-22, 2009).
6. Ouda B.A., Mahadeen A.Y. (2008). *Effect of fertilizers on growth, yield, yield components, quality and certain nutrient contents in broccoli (Brassica oleracea)*. International Journal of Agriculture and Biology. 10 (6): 627 - 632 ref.39.
7. Thanuejah S. & Suganiya S. (2013). *Farmers' awareness on safe use of pesticides: a case study on chilli (Capsicum annuum) farmers in Kaluthawalai, Batticaloa. Proceedings of International Symposium on Agriculture and Environment 2013*. University of Ruhuna. Sri Lanka. P. 568 - 571 ref.4.
8. Xianxia W. & Yunxi Z. (2018). *Farmers' Dual Roles in Food Safety: Perceptions and Countermeasures*. Journal of Resources and Ecology. 9 (spl): 78 - 84.